TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG ANA** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số 16/2017/DS-ST Ngày 04 tháng 12 năm 2017 *V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Anh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đặng Văn Sơn;
2. Bà Bùi Thị Thiềm.

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hà. Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đăk Lăk

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana, Đăk Lăk, tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhất. Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đăk Lăk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2017/TLST-DS ngày 03/5/2017 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2017/QĐXX-ST ngày 01/11/2017 và quyết định hoãn phiên toà số 38/2017/QĐST-DS ngày 16/11/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần S**
Địa chỉ: Số 266-268 N, phường 8, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Phạm Đình V. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần S. Chi nhánh Đắk Lắk *(Theo giấy ủy quyền số 37/2017/GUQ-PL&TT ngày 03/01/2017).*

Địa chỉ: Số 130-132 L, phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

Người được uỷ quyền lại: Ông **Lê Văn C**. Chức vụ: Phó phòng giao dịch B. Chi nhánh Đắk Lắk. *(Theo giấy ủy quyền ngày 05/5/2017)*, có mặt.

Địa chỉ: Số 367 Lê D, phường E, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Vợ chồng ông **Võ Văn Đ**. Sinh năm 1982;
Bà **Đinh Thị T**. Sinh năm 1982.

Cùng trú tại: Thôn 1, xã B, huyện K, Đắk Lắk, đều vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa người được uỷ quyền lại của nguyên đơn ông Lê Văn C trình bày:

Ngày 27/01/2015, vợ chồng ông Võ Văn Đ, bà Đinh Thị T. Cùng địa chỉ thôn 1 xã B, huyện K, tỉnh Đăk Lăk, có ký hợp đồng tín dụng số L1502600589 với Phòng giao dịch B. Ngân hàng TMCP S, chi nhánh Đăk Lăk, để vay số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) lãi suất tại thời điểm cho vay 14%/năm. Thời hạn vay 12 tháng, hạn trả nợ ngày 27/01/2016, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Mục đích vay để sản xuất nông nghiệp. Để đảm bảo cho khoản vay trên vợ chồng ông Đ, bà T đã thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất của thửa đất số 214, tờ bản đồ số 03a, diện tích đất 272m^2, trong đó có 100m^2 đất ở nông thôn và 172m^2 đất trồng cây lâu năm khác. Địa chỉ thửa đất thôn 4, xã B, huyện K, Đắk Lắk. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 287190 do Uỷ ban nhân dân huyện K cấp ngày 13/8/2009 cho ông Võ Văn Đ, bà Đinh Thị T. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 65/14/TC/BMT ngày 17/01/2014 và Phụ lục sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01 ngày 27/01/2015 được ký kết tại trụ sở Văn phòng Công chứng P, số 115 đường N, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đăk Lăk. Quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng ông Đ, bà T đã trả cho Ngân hàng được 06 tháng tiền lãi với số tiền 6.961.111đ (*Sáu triệu, chín trăm sáu mươi mốt ngàn một trăm mười một đồng*).

Đến hạn ông Đ, bà T không trả nợ như cam kết, cho nên cán bộ tín dụng của Ngân hàng đã đến nhà yêu cầu ông Đ, bà T trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, nhưng ông Đ, bà T đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, không báo cho Ngân hàng và chính quyền địa phương biết về nơi ở của vợ chồng ông Đ. Do vậy, Ngân hàng đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết và đồng thời làm đơn đề nghị Toà án thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú trên các phương tiện thông tin đại chúng, cho đến nay ông Đ, bà T vẫn chưa trả nợ cho Ngân hàng và cũng không có mặt để giải quyết. Nay Ngân hàng TMCP S, Chi nhánh Đăk Lăk, yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Võ Văn Đ, bà Đinh Thị T, phải trả cho Ngân hàng TMCP S, Chi nhánh Đăk Lăk, tổng số tiền **146.592.171đ** (*Một trăm bốn mươi sáu triệu, năm trăm chín mươi hai ngàn, một trăm bảy mươi mốt đồng*), trong đó:

Tiền gốc là **100.000.000đ** (*Một trăm triệu đồng*), tiền lãi trong hạn **33.381.269đ**.

Lãi quá hạn tính đến hết ngày 04/12/2017 là **13.210.903đ** (*Mười ba triệu, hai trăm mười ngàn, chín trăm lẻ ba đồng*), ông Đ bà T phải chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số L1502600589 ngày 21/01/2015 đối với khoản nợ gốc kể từ ngày 05/12/2017 cho đến ngày họ trả hết nợ gốc cho Ngân hàng.

Trường hợp ông Đ, bà T không trả được nợ thì đề nghị xử lý tài sản của vợ chồng ông Đ, bà T đã thế chấp cho Ngân hàng là thửa đất số 214, tờ bản đồ số 03a, diện tích thửa đất 272m^2 trong đó có 100m^2 đất ở nông thôn và 172m^2 đất trồng cây lâu năm khác. Địa chỉ thửa đất thôn 4, xã B, huyện K, Đắk Lắk. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 287190 do UBND huyện K cấp ngày 13/8/2009 cho ông Võ Văn Đ, bà Đinh Thị T và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn ông Võ Văn Đ, bà Đình Thị T:

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành niêm yết công khai các thủ tục tố tụng, giấy triệu tập tại nhà riêng và tại Uỷ ban nhân dân xã nơi các bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú, niêm yết tại Toà án nhân dân huyện, thế nhưng ông Đ, bà T vẫn không có mặt. Do các bị đơn đã bỏ đi khỏi nơi cư trú không báo cho chính quyền địa phương, cố tình giấu địa chỉ, Toà án không thể lấy lời khai và hoà giải được.

Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Krông Ana phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên toà trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật TTDS. Thẩm quyền thụ lý và xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại các Điều 35, 39 và Điều 68 Bộ luật TTDS.

Việc xác minh thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ, trình tự thụ lý và giao nhận Thông báo thụ lý cho Viện Kiểm sát và cho các đương sự theo đúng quy định tại các Điều 96, 97, 100, 195 và 196 Bộ luật TTDS.

Ông Võ Văn Đ, bà Đinh Thị T không có mặt tại nơi cư trú nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật TTDS và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/HĐTP-TANDTC ngày 05/5/2017 thì Toà án tiếp tục giải quyết vụ án là đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên toà:

Hội đồng xét xử đã tuân theo quy định đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật TTDS về viếc xét xử vụ án, đúng thời gian địa điểm đã được ghi trong quyết định đưa vụ án ra xét xử thành phần HĐXX.

Việc thuân theo pháp luật tố tụng của Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 51 Bộ luật TTDS.

Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên toà bị đơn đã không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật TTD năm 2015.

Ý kiến về giải quyết nội dung vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, có thế chấp tài sản thuộc tranh chấp về dân sự quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ luật TTDS. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật TTDS, Toà án nhân huyện K thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả xét hỏi và tranh luận tại phiên toà hôm nay. Căn cứ khoản 3 Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 277, 463, 466, Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện K:

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Buộc ông Võ Văn Đ, bà Đinh Thị T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S, số tiền gốc là 100.000.000đ và tiền lãi theo quy định.

Trường hợp ông Đ, bà T không trả được cho Ngân hàng thì xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

Về án phí: Buộc ông Đ, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật TTDS.

Đối với bị đơn, sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, cụ thể niêm yết công khai các thủ tục tố tụng, giấy triệu tập tại nhà riêng và tại Uỷ ban nhân dân xã nơi các bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú, niêm yết tại Toà án nhân dân huyện. Do vợ chồng ông Đ, bà T không có mặt tại địa phương, cố tình giấu địa chỉ, không thông báo cho nguyên đơn và chính quyền địa phương biết, nhằm trốn tránh thực hiện quyền và nghĩa vụ trả nợ. Bởi vậy, Toà án đã làm thủ tục thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng yêu cầu ông Đ, bà T về tại Toà nhân dân huyện K, tỉnh Đăk Lăk để giải quyết vụ kiện "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" do Ngân hàng thương mại cổ phần S. Chi nhánh Đăk Lăk đang khởi kiện, nhưng vợ chồng ông Đ, bà T vẫn không đến Toà án để làm việc, vì thế Toà án không thể lấy lời khai và hoà giải được.

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật TTDS Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Toà án nhân dân tối cao; Toà án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật là phù hợp.

Tại phiên toà bị đơn ông Võ Văn Đ, bà Đinh Thị T đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng ông Đ, bà T đều vắng mặt. Do vậy, Toà án vẫn tiến hành xét xử là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]Về yêu cầu của đương sự: Theo đơn khởi kiện ngày 13/01/2017 và tại phiên toà người được uỷ quyền lại của nguyên đơn, yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Võ Văn Đ, bà Đinh Thị T, phải trả cho Ngân hàng TMCP S, Chi nhánh Đăk Lăk, **146.592.171đ** (*Một trăm bốn mươi sáu triệu, năm trăm chín mươi hai ngàn, một trăm bảy mươi mốt đồng*), trong đó:

Tiền gốc là **100.000.000đ** (*Một trăm triệu đồng*), tiền lãi trong hạn **33.381.269đ**.

Lãi quá hạn tính đến hết ngày 04/12/2017 là **13.210.903đ** (*Mười ba triệu, hai trăm mười ngàn, chín trăm lẻ ba đồng*), ông Đ bà T phải chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số L1502600589 ngày 21/01/2015 đối với khoản nợ gốc kể từ ngày 05/12/2017 cho đến ngày họ trả hết nợ gốc cho Ngân hàng.

Trường hợp ông Đ, bà T không trả được nợ thì đề nghị xử lý tài sản của vợ chồng ông Đ, bà T đã thế chấp cho Ngân hàng là thửa đất số 214, tờ bản đồ số 03a, diện tích thửa đất 272m^2 trong đó có 100m^2 đất ở nông thôn và 172m^2 đất trồng cây lâu năm khác. Địa chỉ thửa đất thôn 4, xã B, huyện K, Đắk Lắk. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 287190 do UBND huyện K cấp ngày 13/8/2009 cho ông Võ Văn Đ,

bà Đinh Thị T và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Tòa án xác định đây là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền, Toà án thụ lý để giải quyết là phù hợp.

Về nội dung Hội đồng xét xử, xét thấy: Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ có đủ cơ sở để xác định: Vợ chồng ông Võ Văn Đ, bà Đinh Thị T còn nợ của Ngân hàng thương mại cổ phần S, chi nhánh Đăk Lăk, tổng số tiền **146.592.171đ** (*Một trăm bốn mươi sáu triệu, năm trăm chín mươi hai ngàn, một trăm bảy mươi mốt đồng*), trong đó: Tiền gốc là 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*), tiền lãi trong hạn 33.381.269đ. Lãi quá hạn tính đến hết ngày 04/12/2017 là 13.210.903đ (*Mười ba triệu, hai trăm mười ngàn, chín trăm lẻ ba đồng*), là có căn cứ, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để tuyên buộc vợ chồng ông Võ Văn Đ, bà Đinh Thị T, phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S, chi nhánh Đăk Lăk, tổng số tiền **146.592.171đ** là phù hợp.

Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho khoản vay trên vợ chồng ông Đ, bà T đã thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất của thửa đất số 214, tờ bản đồ số 03a, diện tích đất 272m^2, trong đó có 100m^2 đất ở nông thôn và 172m^2 đất trồng cây lâu năm khác. Địa chỉ thửa đất thôn 4, xã B, huyện K, Đắk Lắk. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 287190 do Uỷ ban nhân dân huyện K cấp ngày 13/8/2009 cho ông Võ Văn Đ, bà Đinh Thị T. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 65/14/TC/BMT ngày 17/01/2014 và Phụ lục sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01 ngày 27/01/2015 được ký kết tại trụ sở Văn phòng Công chứng P, số 115 đường N, thị trấn B, huyện K, Đăk Lăk. Việc đăng ký thế chấp của các bên là tự nguyện và tại thời điểm các bên ký kết hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự. Do vậy, hợp đồng thế chấp tài sản là hợp pháp. Trường hợp vợ chồng ông Đ, bà T không trả được khoản nợ trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín, chi nhánh Đăk Lăk, thì xử lý tài sản thế chấp của ông Đ, bà T theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng là phù hợp.

[3] Về chi phí thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng:

Căn cứ Điều 180 Bộ luật TTDS, Ngân hàng thương mại cổ phần S, chi nhánh Đăk Lăk, phải chịu chi phí thông báo là phù hợp.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 180; điểm e khoản 1 Điều 192, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228

Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 277; Điều 299; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S, chi nhánh Đăk Lăk.

Buộc vợ chồng ông Võ Văn Đ, bà Đinh Thị T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S, chi nhánh Đăk Lăk, tổng số tiền **146.592.171đ** (*Một trăm bốn mươi sáu triệu, năm trăm chín mươi hai ngàn, một trăm bảy mươi mốt đồng*), trong đó:

Tiền gốc là **100.000.000đ** (*Một trăm triệu đồng*), tiền lãi trong hạn **33.381.269đ**.

Lãi quá hạn tính đến hết ngày 04/12/2017 là **13.210.903đ** (*Mười ba triệu, hai trăm mười ngàn, chín trăm lẻ ba đồng*). Kể từ ngày 05/12/2017 ông Võ Văn Đ, bà Đinh Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Sau khi ông Đ, bà T trả nợ xong thì Ngân hàng thương mại cổ phần S, chi nhánh Đăk Lăk, có nghĩa vụ trả lại cho ông Đ, bà T 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 287190 do Uỷ ban nhân dân huyện K cấp ngày 13/8/2009 mang tên ông Võ Văn Đ, bà Đinh Thị T.

Trường hợp ông Đ, bà T không trả được khoản nợ cho Ngân hàng thì xử lý tài sản thế chấp là thửa đất số 214, tờ bản đồ số 03a, diện tích đất 272m^2, trong đó có 100m^2 đất ở nông thôn và 172m^2 đất trồng cây lâu năm khác và các tài sản khác gắn liền trên đất. Địa chỉ thửa đất thôn 4, xã B, huyện K, Đắk Lắk. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 287190 do Uỷ ban nhân dân huyện K cấp ngày 13/8/2009 cho ông Võ Văn Đ, bà Đinh Thị T. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 65/14/TC/BMT ngày 17/01/2014 và Phụ lục sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01 ngày 27/01/2015 theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

2. Về chi phí thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng: Ngân hàng thương mại cổ phần S, chi nhánh Đăk Lăk, phải chịu chi phí là 2.875.000đ (*Hai triệu, tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*). Được khấu trừ số tiền tạm ứng chi phí thông báo đã nộp là 2.875.000đ

3. Về án phí: Buộc vợ chồng ông Võ Văn Đ, bà Đinh Thị T phải chịu **7.329.608đ** (*Bảy triệu ba trăm hai mươi chín ngàn, sáu trăm lẻ tám đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S, chi nhánh Đăk Lăk (trả cho phòng giao dịch B, địa chỉ số 130 – 132 L) số tiền 3.220.000đ (*Ba triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 040538 ngày 27/4/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đăk Lăk.

4. Quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKS huyện;
-Chi cục THADS;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Kim Anh